

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2018/HSST

Ngày: 14/5/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Bà Phan Thanh Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2018/HSST ngày 02/4 /2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2060/2018/QĐXXST-HS ngày 03/5/2018 đối với bị cáo:

Lê Hữu H; giới tính: Nam; sinh năm: 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Sửa xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Hữu Đ (chết) và bà Trần Thị Q; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Nguyễn Thị Kim A và 02 con, trong đó con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/4/2012, Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 100/2012/HSST), đến ngày 11/5/2014 chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong phần án phí, án phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 25/11/2017 (Có mặt)

Bị hại: Ông **YM**, sinh năm 1981.

Địa chỉ tạm trú: Khách sạn M, Đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/11/2017, Lê Hữu H điều khiển xe gắn máy hiệu Luvias biển số 59L1-789.57 lưu thông trên đường, khi đến trước số X, phường Y, quận Z thì thấy ông YM đang cầm điện thoại di động Samsung Galaxy S8 đưa cho một người đàn ông chạy xe ôm để hỏi đường nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H điều khiển xe gắn máy chạy đến áp sát từ phía sau, dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động ông YM đang cầm trên tay rồi tăng ga bỏ chạy. Lúc này, ông YM nắm vai áo của H kéo lại làm H ngã xuống đất. H bỏ xe gắn máy chạy bộ khoảng 100m thì bị ông YM cùng anh Nguyễn Kim L, anh Nguyễn Minh C (đang chạy xe trên đường) truy đuổi bắt H, thu giữ vật chứng đưa về trụ sở Công an Phường Y, Quận 6 lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hữu H đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 2068/TCKH ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6, chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 của ông YM có giá là 12.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8 màu đen, đã thu hồi và trả lại cho ông YM (bút lục 32).

- 01 xe gắn máy hiệu Luvias biển số 59L1-xxxxx. Qua xác minh được biết do chị Nguyễn Thị Kim A (vợ của H) đứng tên chủ sở hữu. Kim A khai nhận không biết H sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội. Ngày 06/02/2018, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã trả lại xe cho chị Kim A (bút lục 30, 33, 35)

Về trách nhiệm dân sự:

Ông YM đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản cáo trạng số 118/CT-VKS-P2 ngày 27/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Hữu H về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Lê Hữu H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Đồng thời, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Hữu H 04 năm đến 05 năm tù.

Bị cáo Lê Hữu H không tự bào chữa, lời nói sau cùng xin được xử mức án nhẹ để sớm trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về hành vi của bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, từ đó xác định được: Khoảng 14 giờ ngày 25/11/2017, tại trước nhà số X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Hữu H đã có hành vi dùng xe gắn máy để thực hiện hành vi cướp giật một chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S8 của ông YM rồi tăng ga nhanh chóng tẩu thoát nhưng đã bị người bị hại và 02 người đi đường bắt giữ, đưa về trụ sở Công an Phường Y, Quận 6 lập biên bản phạm tội quả tang. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 12.000.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 2068/TCKH ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” và do bị cáo đã dùng xe máy làm phương tiện phạm tội nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009. (Theo hướng dẫn tại tiểu mục

5.3 mục 5 phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp). Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và ảnh hưởng đến hình ảnh của đất nước, con người Việt Nam trong mắt du khách nước ngoài. Khi thực hiện hành vi cướp giật, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là phạm pháp nhưng vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật và bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009, cần áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

- Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

* Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8 màu đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 đã trả lại cho ông YM vào ngày 30/11/2017 (bút lục 32). Xét thấy, việc giao trả là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Đối với 01 xe gắn máy hiệu Luvias biển số 59L1-xxxxx, qua xác minh được biết do chị Nguyễn Thị Kim A (vợ của H) đứng tên chủ sở hữu. Xét chị Kim A không biết H sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội nên ngày 06/02/2018, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã trả lại xe cho chị Kim A (bút lục

33) là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trách nhiệm dân sự:

Ông YM đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Hữu H** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Lê Hữu H** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Hữu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bị hại (1)
- NCQL, NVLQ (2)
- Phòng PC 53 - CA TPHCM ; (1)
- THAHS ; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (6) (22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà